TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6 – THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **69**/2025/QĐST-HNGĐ	*Thái Nguyên, ngày 02 tháng 12 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ Hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 86/2025/TLST-HNGĐ ngày 21/11/2025, giữa:

Nguyên đơn: Chị **Triệu Thị H**; sinh năm: 1985; nơi cư trú: Thôn P, xã M, tỉnh Thái Nguyên;

Bị đơn: Anh **Lý Văn D**; sinh năm: 1983; nơi cư trú: Thôn P, xã M, tỉnh Thái Nguyên.

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 7 Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Tòng vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 24 tháng 11 năm 2025

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 24/11/2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Triệu Thị H và anh Lý Văn D

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Triệu Thị H và anh Lý Văn D thuận tình ly hôn.
- Về con chung: Chị Triệu Thị H và anh Lý Văn D có 02 con chung là:

+ Lý Thị T, sinh ngày 26/9/2004, đã thành niên, hiện khỏe mạnh phát triển bình thường và có khả năng lao động;

+ Lý Anh Minh T1, sinh ngày 23/02/2013. Anh Lý Văn D có trách nhiệm trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Lý Anh Minh T1, cho đến

khi con chung Lý Anh Minh T1 đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh D không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết

- Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết

- Về án phí: Chị Triệu Thị H tự nguyện chịu 75.000 (Bảy mươi lăm nghìn) đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Anh Lý Văn D tự nguyện chịu 75.000 (Bảy mươi lăm nghìn) đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Chị Triệu Thị H, anh Lý Văn D là đồng bào dân tộc thiểu số cư trú ở xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn và đều có đơn đề nghị miễn án phí, do đó miễn 75.000 (Bảy mươi lăm nghìn) đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm cho chị Triệu Thị H, miễn 75.000 (Bảy mươi lăm nghìn) đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm cho anh Lý Văn D.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thái Nguyên (01);
- VKSND khu vực 6 – Thái Nguyên (03);
- THADS tỉnh Thái Nguyên; (01)
- UBND xã M (01);
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

THẨM PHÁN

Triệu Thị Vang